

MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN DU LỊCH VỚI VĂN HÓA BẢN ĐỊA TẠI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

THE RELATIONSHIP BETWEEN TOURISM DEVELOPMENT AND INDIGENOUS CULTURE IN THE MEKONG DELTA

Nguyễn Mai Quốc Việt*

Đại học Cần Thơ
*nmqviet@ctu.edu.vn

Ngày nhận bài:
17/7/2025

Ngày chấp nhận đăng:
19/8/2025

ABTRACTS

Keywords: Community
tourism, Mekong
Delta, tourism
development,
indigenous culture.

The Mekong Delta owns a typical river ecosystem, unique cultural values and a dynamic community, creating great potential for tourism development. This study analyzes the relationship between indigenous culture and the role of community in tourism development in the region, through the synthesis of data from field surveys in Can Tho, Ben Tre, An Giang, Soc Trang, combining qualitative analysis, tourism statistics and secondary document synthesis. The results of the study show that regional culture and the active participation of the community are not only the foundation for the formation of typical tourism products, but also the decisive factor for the sustainable development of Mekong Delta tourism. The participation of the community helps preserve and promote the value of cultural heritage, and at the same time creates livelihoods and improves people's lives, contributing to local economic development. In addition, the association of culture with tourism activities makes a difference, attracts tourists and increases the value of the experience. The study proposes practical recommendations such as strengthening communication, training local human resources, developing tourism products associated with indigenous culture and protecting the ecological environment, thereby effectively exploiting the potential of tourism based on culture and community in the Mekong Delta.

TÓM TẮT

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) sở hữu hệ sinh thái sông nước đặc trưng, giá trị văn hóa đặc sắc cùng cộng đồng dân cư năng động, tạo tiềm năng lớn cho phát triển du lịch. Nghiên cứu này phân tích mối quan hệ giữa văn hóa bản địa và vai trò cộng đồng trong phát triển du lịch tại khu vực, thông qua tổng hợp dữ liệu từ khảo sát thực tế tại Cần Thơ, Bến Tre, An Giang, Sóc Trăng, kết hợp phân tích định tính, thống kê du lịch và tổng hợp tài liệu thứ cấp. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, văn hóa vùng miền cùng sự tham gia chủ động của cộng đồng không chỉ là nền tảng hình thành sản phẩm du lịch đặc trưng, mà còn là yếu tố quyết định phát triển bền vững du lịch ĐBSCL. Sự tham gia của cộng đồng giúp bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, đồng thời tạo

Từ khóa: Du lịch cộng đồng, ĐBSCL, phát triển du lịch, văn hóa bản địa.

ra sinh kế và nâng cao đời sống người dân, góp phần phát triển kinh tế địa phương. Bên cạnh đó, việc gắn kết văn hóa với hoạt động du lịch tạo nên sự khác biệt, thu hút khách du lịch và gia tăng giá trị trải nghiệm. Nghiên cứu đề xuất các kiến nghị thiết thực như tăng cường truyền thông, đào tạo nhân lực địa phương, phát triển sản phẩm du lịch gắn với văn hóa bản địa và bảo vệ môi trường sinh thái, từ đó khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch dựa trên nền tảng văn hóa và cộng đồng tại ĐBSCL.

1. Giới thiệu

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), với 13 tỉnh thành phố, trước ngày 01/7/2025, (nay là Thành phố Cần Thơ, Vĩnh Long, Đồng Tháp, An Giang và Cà Mau) sở hữu hệ sinh thái đa dạng, hệ thống sông ngòi chằng chịt và nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là vùng đất nông nghiệp trù phú với cộng đồng dân cư đông đúc, đa dạng về thành phần dân tộc như Kinh, Khmer, Hoa. Đồng bằng sông Cửu Long còn nổi tiếng với kho tàng văn hóa phi vật thể phong phú như đờn ca tài tử, các lễ hội dân gian, nghệ thuật ẩm thực dân dã và phong cách sống gần gũi thiên nhiên.

Du lịch tại ĐBSCL đã có những bước phát triển đáng kể trong những năm gần đây, thể hiện qua sự gia tăng về lượt khách và doanh thu. Theo báo cáo của Hiệp hội du lịch ĐBSCL tại Hội nghị tổng kết năm 2024, hoạt động kinh doanh du lịch của khu vực ĐBSCL có bước tiến triển khá tốt. Tổng lượt khách đến là 52.117.637 lượt, tăng 15, 94% so với cùng kỳ 2023. Tổng thu từ hoạt động du lịch là 62.239 tỷ đồng, tăng 36,06% so với cùng kỳ 2023.

Các loại hình du lịch chủ đạo bao gồm du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, du lịch văn hóa - tâm linh và du lịch cộng đồng. Các địa phương dẫn đầu về phát triển du lịch là Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Bến Tre và Sóc Trăng. Trong bối cảnh du lịch quốc tế đang chuyển hướng tìm kiếm trải nghiệm bản địa, ĐBSCL sở hữu lợi thế lớn từ nền văn hóa sông nước và sự thân thiện của người dân.

Tuy nhiên, sự phát triển này vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, đặc biệt là chưa khai thác hiệu quả yếu tố văn hóa và người dân bản địa như những lợi thế cạnh tranh bền vững. Do đó, việc tìm hiểu mối quan hệ biện chứng giữa văn

hóa, người dân và phát triển du lịch là điều kiện tiên quyết để định hình chiến lược phát triển lâu dài và bền vững cho vùng. Bên cạnh đó cần giải quyết các thách thức liên quan đến bảo tồn văn hóa, sự tham gia của cộng đồng và quản lý tài nguyên bản địa.

Nghiên cứu này tập trung vào các mục tiêu chính sau: phân tích vai trò của văn hóa bản địa trong quá trình phát triển du lịch tại ĐBSCL, đánh giá mức độ tham gia và đóng góp của người dân trong ngành du lịch, đề xuất các định hướng chính sách phát triển du lịch dựa trên yếu tố văn hóa và cộng đồng.

Văn hóa được xem là nền tảng tinh thần và nguồn tài nguyên vô hình quan trọng cho sự phát triển du lịch. Văn hóa bao gồm cả yếu tố vật thể (kiến trúc, di tích lịch sử) và phi vật thể (âm nhạc, lễ hội, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, ngôn ngữ và ẩm thực). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng văn hóa không chỉ tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng mà còn hình thành nên bản sắc điểm đến. Theo Richards (2007), văn hóa là cơ sở để tạo ra sự khác biệt và hấp dẫn trong phát triển du lịch. Các yếu tố văn hóa như tập quán sinh hoạt, lễ hội, kiến trúc, ẩm thực, tôn giáo - tín ngưỡng đều có thể chuyển hóa thành sản phẩm du lịch nếu được khai thác hợp lý.

Phát triển du lịch cộng đồng cần dựa trên sự chủ động, làm chủ và hưởng lợi của người dân địa phương. Người dân không chỉ là người phục vụ mà còn là người bảo vệ và gìn giữ giá trị bản địa. Sự tham gia của cộng đồng đảm bảo tính bền vững và phân phối lợi ích công bằng trong du lịch. Scheyvens (1999) nhấn mạnh rằng sự tham gia của cộng đồng là yếu tố thiết yếu trong phát triển du lịch bền vững. Khi cộng đồng là chủ thể thay vì đối tượng bị phục vụ, các hoạt động du lịch sẽ vừa mang

lại lợi ích kinh tế, vừa bảo tồn giá trị văn hóa - xã hội.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp một cách linh hoạt và hiệu quả các kỹ thuật thu thập và phân tích dữ liệu khác nhau. Cụ thể, các phương pháp chính được áp dụng bao gồm:

Phân tích tài liệu: Nghiên cứu đã tiến hành thu thập và phân tích một cách hệ thống các tài liệu học thuật có liên quan đến văn hóa ĐBSCL, các tài liệu lưu trữ địa phương ghi chép về phong tục, tập quán, cũng như các công trình nghiên cứu đã được công bố trước đây về khu vực này. Việc phân tích tài liệu giúp xây dựng cơ sở lý thuyết vững chắc và hiểu rõ bối cảnh nghiên cứu.

Khảo sát thực địa: Khảo sát 300 hộ dân tham gia làm du lịch cộng đồng tại 5 tỉnh (Vĩnh Long, Bến Tre, Hậu Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp). Các cuộc khảo sát đã được thực hiện với cư dân thuộc ba nhóm dân tộc chính có ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa ĐBSCL là người Kinh, người Khmer và người Hoa. Mục đích của các cuộc khảo sát là thu thập thông tin chi tiết về kinh nghiệm cá nhân, quan điểm, và những câu chuyện liên quan đến văn hóa truyền thống, sự thay đổi và giao thoa trong văn hóa của các cộng đồng dân tộc.

Quan sát tham dự: Nghiên cứu đã thực hiện việc quan sát trực tiếp và tham gia vào các hoạt động văn hóa thường ngày và đặc biệt của người dân địa phương. Điều này bao gồm việc tham dự các lễ hội truyền thống, các phiên chợ nổi đặc trưng của vùng, cũng như quan sát các bữa ăn gia đình. Phương pháp này cho phép thu thập những dữ liệu thực tế về hành vi văn hóa trong các bối cảnh văn hóa khác nhau.

So sánh đối chiếu: Dữ liệu thu thập được từ các phương pháp trên đã được tiến hành so sánh và đối chiếu một cách cẩn thận giữa các nhóm dân cư khác nhau. Mục đích của việc này

là nhằm phát hiện ra những yếu tố giao thoa, những điểm tương đồng và khác biệt trong thực hành văn hóa, từ đó làm rõ hơn quá trình tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các nền văn hóa trong khu vực.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Nền tảng văn hóa bản địa của vùng ĐBSCL

Bản sắc văn hóa của vùng ĐBSCL có mối liên hệ chặt chẽ với các tuyến đường thủy, vốn đã định hình các hoạt động tự cung tự cấp, cấu trúc xã hội và truyền thống tâm linh trong nhiều thế kỷ. Hơn 40.000 km sông và kênh rạch của khu vực tạo thành xương sống hàng ngày, hỗ trợ các mạng lưới trồng lúa, nuôi trồng thủy sản và giao thông. Các cộng đồng như các dân tộc Kinh, Khmer và Hoa đã thích nghi với môi trường thủy sinh này, phát triển các hoạt động độc đáo như chợ nổi, lễ hội dưới nước và kiến trúc nhà sàn. Những truyền thống này không chỉ đơn thuần là hiện vật lịch sử mà còn là các hệ thống sống tiếp tục xác định bản sắc địa phương. Ví dụ, Lễ hội Ok Om Bok, một nghi lễ thờ trăng của người Khmer, kết hợp các nghi lễ trên sông với các cuộc đua thuyền truyền thống, phản ánh sự tương tác giữa thủy văn và tâm linh.

Cảnh quan văn hóa của đồng bằng là một tấm thảm được dệt từ dân số đa sắc tộc của nó. Cộng đồng Khmer, chiếm 7% cư dân trong khu vực, đã bảo tồn các truyền thống riêng biệt như chùa Phật giáo Nguyên thủy, tôn kính tổ tiên, và dệt thổ cẩm phức tạp. Trong khi đó, đa số người Kinh đóng góp Đờn Ca Tài Tử (âm nhạc dân gian miền Nam Việt Nam), được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể, trong khi cộng đồng người Hoa làm phong phú thêm văn hóa vùng đồng bằng bằng các thực hành ẩm thực và kiến trúc chịu ảnh hưởng của Trung Quốc. Sự pha trộn này được thể hiện rõ ràng trong các địa điểm như chùa Khmer ở Trà Vinh, nơi biểu tượng Phật giáo cùng tồn tại với các họa tiết dân gian Việt Nam, tạo ra không gian mang đậm sự giao thoa văn hóa, thu hút đông đảo khách du lịch tò mò về văn hóa ghé thăm.

Ngoài cảnh quan vật chất, di sản phi vật thể của đồng bằng - văn hóa truyền miệng, nghệ thuật biểu diễn và nghề thủ công - tạo thành một nguồn tài nguyên du lịch quan trọng. Nghệ thuật làm mũ nón Bàng Buông ở An Giang và bẫy cá lóc ở Đồng Tháp là minh chứng cho kiến thức thủ công được truyền qua các thế hệ. Các buổi biểu diễn của Đờn Ca Tài Tử tại Homestay Út Trinh (Vĩnh Long) cho thấy cách cộng đồng kiếm tiền từ vốn văn hóa trong khi bảo tồn nó; du khách tham gia các buổi âm nhạc, học đàn tranh hoặc hát các bản ballad dân gian miền Nam. Những sáng kiến như vậy chống lại nguy cơ xói mòn văn hóa bằng cách đưa di sản vào các nền kinh tế đương đại.

3.2. Văn hóa bản địa và vai trò trong phát triển du lịch

Văn hóa được xem là nền tảng tinh thần và nguồn tài nguyên vô hình quan trọng cho phát triển du lịch. Nó bao gồm cả yếu tố vật thể (kiến trúc, di tích lịch sử...) và phi vật thể (âm nhạc, lễ hội, tín ngưỡng, phong tục, tập quán, ngôn ngữ, ẩm thực...). Văn hóa không chỉ tạo ra sản phẩm du lịch đặc trưng mà còn hình thành nên bản sắc điểm đến. Nét văn hóa đặc trưng của miền Tây được thể hiện rõ nét và đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút du khách đến ĐBSCL. Đồng bằng sông Cửu Long nổi bật với kho tàng văn hóa phi vật thể phong phú như đờn ca tài tử, các lễ hội dân gian, nghệ thuật ẩm thực dân dã và phong cách sống gần gũi thiên nhiên. Sự đặc thù văn hóa là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch như du lịch tâm linh, du lịch sinh thái kết hợp văn hóa, và du lịch trải nghiệm. Việc phát triển sản phẩm gắn với yếu tố văn hóa giúp gia tăng giá trị trải nghiệm, kéo dài thời gian lưu trú và khơi dậy cảm xúc tích cực của du khách. Nghiên cứu tại các địa phương tiêu biểu như Cần Thơ, Bến Tre, An Giang và Sóc Trăng đã chứng minh rằng văn hóa vùng miền là nền tảng của sản phẩm du lịch đặc trưng.

Chợ nổi Cái Răng ở Cần Thơ là không gian giao thương sôi động trên sông và đã được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, thu

hút hàng triệu lượt khách. Các hoạt động thương mại truyền thống, tiếng rao hàng mộc mạc và ẩm thực địa phương như bún riêu, hủ tiếu nấu trên thuyền... biến Chợ nổi Cái Răng thành một biểu tượng của văn hóa sông nước tại Cần Thơ. Còn Sơn là ví dụ điển hình về du lịch dựa vào cộng đồng, với hơn 50% hộ gia đình điều hành homestay, nhà hàng hoặc tour du lịch, tạo ra doanh thu đáng kể và giới thiệu các hoạt động truyền thống.

Tại Sóc Trăng, cộng đồng người Khmer chiếm tỷ lệ lớn, làm phong phú đời sống văn hóa địa phương. Các ngôi chùa như Mahatup (chùa Dơi), Khleang không chỉ là nơi sinh hoạt tín ngưỡng mà còn là điểm đến du lịch tâm linh hấp dẫn và cơ hội quảng bá văn hóa. Các lễ hội như Ok Om Bok, Chol Chnam Thmay là điểm đến du lịch tâm linh và là cơ hội quảng bá văn hóa, thu hút du khách. Văn hóa Khmer với chùa chiền, lễ hội Ok Om Bok, múa Rom Vong... đã được khai thác hiệu quả trong du lịch văn hóa.

Bến Tre nổi tiếng với cây dừa và văn hóa nông nghiệp sông nước. Văn hóa miệt vườn, nghề làm kẹo dừa, làm gôm, đan lát được tổ chức thành tour du lịch trải nghiệm, đưa du khách hòa mình vào cuộc sống đời thường của người dân. Du lịch sinh thái dừa kết hợp với làng nghề truyền thống và du lịch homestay đã đưa người dân địa phương vào trung tâm chuỗi giá trị. Du lịch cộng đồng tại Cồn Chim (Trà Vinh) sử dụng 100% nhân viên địa phương trong hợp tác xã du lịch sinh thái, nơi du khách tham gia canh tác hữu cơ và nghỉ tại nhà sàn. Homestay của Hòa ở Bến Tre là ví dụ về doanh nghiệp du lịch do phụ nữ lãnh đạo, chiếm phần lớn các doanh nghiệp du lịch ở Đồng bằng.

An Giang với lễ hội Bà Chúa Xứ núi Sam là một trong những sự kiện tín ngưỡng lớn nhất miền Nam, thu hút hàng triệu lượt khách hành hương mỗi năm. Đồng thời, An Giang cũng nổi bật với văn hóa Chăm và văn hóa người Hoa, tạo nên sự đa dạng văn hóa. Mô hình du lịch văn hóa Chăm được khai thác thông qua các hoạt động tham quan thánh đường, tìm hiểu nghề dệt

thổ cẩm truyền thống và thưởng thức ẩm thực đặc trưng. Nghề làm mũ nón Bàng Buông cũng là một yếu tố văn hóa thu hút du khách.

Văn hóa đặc trưng tạo nên sản phẩm du lịch độc đáo, và sự tham gia của người dân địa phương làm phong phú thêm trải nghiệm du lịch. Sự đặc thù văn hóa là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch đặc trưng tại ĐBSCL: Du lịch tâm linh: chùa chiền Khmer (Sóc Trăng), núi Sam (An Giang); Du lịch sinh thái kết hợp văn hóa: vườn cây ăn trái, làng nghề truyền thống; Du lịch trải nghiệm: chèo xuồng, tát mương bắt cá, nấu ăn cùng người dân.

Việc phát triển sản phẩm gắn với yếu tố văn hóa giúp gia tăng giá trị trải nghiệm, kéo dài thời gian lưu trú và khơi dậy cảm xúc tích cực của du khách. Các lễ hội Khmer đã chuyển từ nghi lễ tôn giáo sang điểm thu hút du lịch, thúc đẩy sự hồi sinh văn hóa. Du lịch văn hóa sinh thái kết hợp quản lý môi trường với cách kể chuyện văn hóa, như tại Làng du lịch Mỹ Khánh (Cần Thơ) và Vườn Quốc gia U Minh Thượng.

Dựa trên nguồn tài nguyên văn hóa phong phú, ĐBSCL đã tạo nên các mô hình phát triển du lịch bắt nguồn từ văn hóa bản địa.

Du lịch dựa vào cộng đồng: Quyền sở hữu và trao quyền.

Đồng bằng sông Cửu Long đã đi tiên phong trong các mô hình du lịch do cộng đồng, ưu tiên người dân địa phương. Cần Sơn (TP. Cần Thơ) là ví dụ điển hình cho cách tiếp cận này: hơn 50% hộ gia đình điều hành homestay, nhà hàng hoặc tour du lịch có hướng dẫn viên. Bến Tre giới thiệu các hoạt động truyền thống như làm kẹo dừa và lên men nước mắm. Tương tự, Cần Chim (Trà Vinh) sử dụng 100% nhân viên địa phương trong hợp tác xã du lịch sinh thái, nơi du khách tham gia canh tác hữu cơ và ngủ trong những ngôi nhà được làm mát tự nhiên thay vì điều hòa không khí. Các mô hình này phù hợp với Tiêu chuẩn Homestay của ASEAN, như đã thấy trong giải thưởng 2017-2019 của Út Trinh

Homestay, công nhận sự tuân thủ tính xác thực về văn hóa và tính bền vững của môi trường.

Du lịch lễ hội: Phục hồi văn hóa thông qua các sự kiện.

Các lễ hội Khmer đã chuyển từ các nghi lễ tôn giáo sang các điểm thu hút khách du lịch, thúc đẩy sự hồi sinh văn hóa. Lễ hội Chol Chnam Thmay (Lễ mừng Năm mới) và Ok Om Bok hiện thu hút hàng nghìn du khách hàng năm, với các cộng đồng cung cấp trải nghiệm được tuyển chọn. Du khách được mời thắp hương tại các chùa trong Sene Dolta, thúc đẩy đối thoại liên văn hóa.

3.3. Vai trò của người dân địa phương - chủ thể và động lực của du lịch

Phát triển du lịch cộng đồng phải dựa trên sự chủ động, làm chủ và hưởng lợi của người dân địa phương. Người dân không chỉ là người phục vụ mà còn là người bảo vệ và gìn giữ giá trị bản địa. Sự tham gia của cộng đồng đảm bảo tính bền vững và phân phối lợi ích công bằng trong du lịch.

Khảo sát 300 hộ dân tham gia làm du lịch cộng đồng tại 5 tỉnh (Vĩnh Long, Bến Tre, Hậu Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp) cho thấy đa số người dân nhận rõ du lịch đã cải thiện thu nhập và mong muốn tiếp tục phát triển du lịch gắn với bảo tồn văn hóa. Họ cũng đề xuất cần có chính sách hỗ trợ đào tạo kỹ năng và quảng bá sản phẩm. Đã có 82% hộ dân cho rằng du lịch đã cải thiện thu nhập; 76% mong muốn tiếp tục phát triển du lịch gắn với bảo tồn văn hóa; 68% đề xuất cần có chính sách hỗ trợ đào tạo kỹ năng phục vụ, hướng dẫn viên và quảng bá sản phẩm.

Kết quả khảo sát cho thấy đa số người dân địa phương nhìn nhận tích cực tác động của du lịch cộng đồng. Cụ thể, 82% hộ dân cho rằng du lịch đã cải thiện thu nhập, cho thấy sự đồng thuận cao về lợi ích kinh tế của du lịch cộng đồng đối với đời sống. Nhiều nghiên cứu cũng khẳng định du lịch cộng đồng tạo công ăn việc làm và nâng cao mức sống cho người dân vùng nông thôn. Mức 76% người dân mong muốn tiếp

tục phát triển du lịch gắn với bảo tồn văn hóa cho thấy họ đánh giá cao vai trò của văn hóa bản địa trong thu hút du khách. Du lịch cộng đồng ở ĐBSCL thường khai thác các giá trị văn hóa đặc trưng (ẩm thực, lễ hội, nghề truyền thống) để tạo sản phẩm du lịch hấp dẫn, đồng thời góp phần gìn giữ di sản văn hóa. Thống kê 68% đề xuất cần chính sách hỗ trợ đào tạo kỹ năng và quảng bá sản phẩm phản ánh nhu cầu thực tế của cộng đồng: họ cần được trang bị kiến thức nghiệp vụ du lịch (như kỹ năng phục vụ, thuyết minh, ngoại ngữ) và hỗ trợ đưa sản phẩm du lịch địa phương (đặc sản, thủ công mỹ nghệ) ra thị trường. Luật Du lịch 2017 đã quy định rõ việc hỗ trợ trang thiết bị ban đầu, bồi dưỡng kỹ năng phục vụ và xúc tiến sản phẩm du lịch cộng đồng cho cá nhân, hộ gia đình tham gia du lịch. Do vậy, đề xuất này của người dân hoàn toàn phù hợp với khung chính sách hiện hành và nhân mạnh cần tăng cường thực thi.

Kết quả cho thấy người dân ý thức rằng gìn giữ văn hóa truyền thống là nền tảng để phát triển du lịch cộng đồng bền vững. Khoảng 76% muốn phát triển du lịch gắn với bảo tồn văn hóa, chứng tỏ họ muốn khai thác các lễ hội, ẩm thực và các hoạt động văn hóa truyền thống làm thế mạnh du lịch. Theo các chuyên gia, du lịch cộng đồng dựa trên cơ sở nội lực văn hóa đặc thù sẽ tạo ra sản phẩm hấp dẫn hơn và góp phần bảo vệ bản sắc địa phương.

Người dân giữ vai trò chủ thể của du lịch cộng đồng: họ cung cấp homestay, hướng dẫn tham quan, chế biến đặc sản, tổ chức trò chơi dân gian... Du lịch đã trở thành nguồn thu nhập phụ quan trọng, nhiều hộ thu nhập tăng rõ rệt. Đổi lại, họ mong muốn được đầu tư đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật; chính quyền địa phương cần tổ chức tập huấn nghiệp vụ du lịch và hỗ trợ quảng bá sản phẩm địa phương. Điều này phù hợp với nguyện vọng 68% hộ dân đề xuất trên. Cộng đồng cũng mong muốn có cơ chế liên kết vùng, ưu đãi về thuế, quảng bá thương hiệu sản phẩm địa phương để gia tăng lợi ích. Nói cách khác, nhu cầu chính của người dân là được nâng cao năng lực phục vụ du khách và mở rộng thị trường

cho sản phẩm du lịch cộng đồng, đảm bảo lợi ích kinh tế song song với bảo tồn văn hóa.

Người dân địa phương hiện đã trở thành đối tác của doanh nghiệp du lịch, cung cấp homestay, tổ chức tour vườn trái cây, làm ẩm thực truyền thống và trình diễn nghệ thuật dân gian. Các mô hình kinh tế hộ gia đình làm du lịch cũng phát triển mạnh mẽ.

Du lịch cộng đồng tại ĐBSCL đang chuyển dịch sang hướng “du lịch chậm” (slow tourism), nơi du khách sống cùng dân bản địa, hiểu và trải nghiệm văn hóa một cách chân thực. Điều này chỉ có thể thực hiện được nhờ vai trò chủ động của người dân trong khâu tổ chức và sáng tạo sản phẩm. Sự tham gia của người dân giúp du lịch mang lại lợi ích kinh tế, đồng thời bảo tồn giá trị văn hóa - xã hội và giảm thiểu nguy cơ thương mại hóa quá mức.

Nghiên cứu cho thấy du khách quốc tế đánh giá cao sự thân thiện, hiếu khách của người dân và trải nghiệm văn hóa bản địa, nhiều người muốn trở lại vì cảm giác chân thực, gần gũi với cuộc sống người dân địa phương. Du lịch đã hồi sinh mối quan hệ giữa các thế hệ bằng cách tạo ra giá trị kinh tế trong các kỹ năng truyền thống và các sáng kiến kết nối người lớn tuổi với du khách.

Người dân địa phương hiện không chỉ tham gia với vai trò phục vụ mà đã trở thành đối tác của doanh nghiệp du lịch, cung cấp homestay, tổ chức tour vườn trái cây, làm ẩm thực truyền thống, trình diễn nghệ thuật dân gian. Du lịch cộng đồng tại Trà Vinh, Vĩnh Long đã tạo điều kiện cho người dân cung cấp dịch vụ lưu trú, ẩm thực, hướng dẫn du lịch. Nhiều mô hình kinh tế hộ gia đình làm du lịch đã phát triển, ví dụ như vườn trái cây ở Cai Lậy (Tiền Giang) hay du lịch nông nghiệp tại Hậu Giang. Tại Cần Thơ, hơn 50% hộ gia đình điều hành các dịch vụ du lịch, tạo ra nguồn thu nhập đáng kể. Ở Cần Chim (Trà Vinh), hợp tác xã du lịch sinh thái sử dụng 100% nhân viên địa phương, với doanh thu tăng trưởng cho phép đầu tư vào giáo dục và y tế.

Nghiên cứu khảo sát 150 du khách quốc tế đến ĐBSCL cho thấy: 87% hài lòng với sự thân thiện, hiếu khách của người dân; 78% đánh giá cao trải nghiệm văn hóa bản địa (ẩm thực, lễ hội); 64% chọn trở lại vì “cảm giác chân thực, gần gũi với cuộc sống người dân địa phương”.

Khảo sát du khách quốc tế đến ĐBSCL cho thấy đánh giá chung rất tích cực về chất lượng trải nghiệm văn hóa bản địa. Cụ thể, 87% du khách hài lòng với sự thân thiện, hiếu khách của người dân địa phương - một tỷ lệ cực cao cho thấy nét mến khách của người miền Tây đã tạo ấn tượng mạnh với du khách. Bên cạnh đó, 78% du khách đánh giá cao trải nghiệm văn hóa bản địa (ẩm thực, lễ hội), chứng tỏ các giá trị văn hóa dân dã như bữa ăn miệt vườn, lễ hội truyền thống, phương tiện di chuyển đường sông... là điểm nhấn hấp dẫn. Tuy chỉ có 64% chọn trở lại vì “cảm giác chân thực, gần gũi với cuộc sống người dân” nhưng đây vẫn là đa số, cho thấy yếu tố tính xác thực (authenticity) và gần gũi địa phương là lý do quan trọng thu hút du khách quay lại.

Sự hài lòng cao về văn hóa và lòng hiếu khách khẳng định vai trò then chốt của bản sắc văn hóa địa phương trong du lịch cộng đồng. Du khách quốc tế đến ĐBSCL thường tìm kiếm trải nghiệm mang tính “chân thật” và muốn tương tác với đời sống địa phương. Nghiên cứu cho thấy yếu tố “tương tác văn hóa” (cultural interaction) giữa khách và cộng đồng địa phương là mấu chốt nâng cao sự hài lòng của du khách với du lịch cộng đồng ở ĐBSCL. Du khách sẽ đánh giá cao khi họ được trải nghiệm ẩm thực địa phương, tham gia lễ hội, nghe đàn ca tài tử... - những nét đặc trưng của miền Tây. Do đó, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa (bao gồm cả văn hóa phi vật thể như lễ hội, âm nhạc dân gian) không chỉ là trách nhiệm của cộng đồng mà còn là tài nguyên du lịch quý giá. Như nhận định của một lãnh đạo, du khách Nhật rất thích những nơi “giữ bản sắc văn hóa truyền thống”, cho thấy khai thác tốt văn hóa bản địa sẽ giúp thu hút các thị trường khách quốc tế tiềm năng.

Đa số du khách quốc tế tỏ ra thiện cảm với cộng đồng bản địa và mong muốn những trải nghiệm du lịch mang tính bền vững, chân thật. Yếu tố sự thân thiện của người dân (87% hài lòng) cho thấy du khách quan tâm đến khía cạnh giao lưu văn hóa và sự nhiệt tình của dân bản xứ. Đồng thời, thực phẩm và lễ hội truyền thống được 78% du khách đánh giá cao, cho thấy ẩm thực bản địa và hoạt động văn hóa là kỳ vọng lớn của họ. Khoảng 64% du khách muốn quay lại vì “cảm giác chân thực, gần gũi”, phản ánh một nhóm khách lớn tìm kiếm cảm giác sống cùng cộng đồng, tránh du lịch đại trà. Điều này gợi ý du lịch cộng đồng ĐBSCL nên tiếp tục phát triển các chương trình trải nghiệm sâu: ví dụ như lưu trú trong nhà dân, tham gia lao động sản xuất, học nấu ăn cùng người dân... Các định hướng này hoàn toàn phù hợp với khuyến nghị nghiên cứu về du lịch cộng đồng: nâng cao trải nghiệm văn hóa địa phương thông qua “các hoạt động thúc đẩy giao lưu văn hóa và chia sẻ thông tin về phong tục, tập quán của cộng đồng”.

Tóm lại, du khách quốc tế đến ĐBSCL rất trân trọng sự gần gũi văn hóa và tính chân thực của du lịch cộng đồng. Các chính sách du lịch bền vững cần phát triển gắn liền với giá trị văn hóa bản địa, đồng thời nâng cao năng lực cộng đồng phục vụ khách; đây chính là chìa khóa để duy trì sự hài lòng và thu hút du khách quay trở lại.

3.4. Những khó khăn và thách thức

Tuy nhiên, sự phát triển du lịch cũng đặt ra những thách thức như thiếu đào tạo chuyên môn cho người dân, mạng lưới hạ tầng giao thông yếu, và quản lý di sản chưa đồng bộ, đôi khi bị thương mại hóa. Cần có cơ chế chính sách khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa. Phát triển du lịch cần dựa trên mô hình “cùng phát triển, cùng hưởng lợi”. Cần tăng cường đào tạo kỹ năng du lịch cho người dân, bảo tồn và nâng cao giá trị văn hóa truyền thống, khuyến khích và hỗ trợ mô hình du lịch cộng đồng để phát

triển bền vững. Cần giám sát chặt chẽ để tránh tình trạng thương mại hóa văn hóa quá mức hoặc làm biến dạng văn hóa bản địa. Sự tham gia kiểm soát của cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu các tác động tiêu cực này.

Kết quả phản ánh nhu cầu được hỗ trợ về chính sách đào tạo nghề du lịch, kỹ năng phục vụ, và hỗ trợ quảng bá thương hiệu. Do đó, các cấp chính quyền cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách cho du lịch cộng đồng, tập trung vào: (1) Đào tạo và tập huấn chuyên môn: tổ chức lớp hướng dẫn viên, đào tạo nấu ăn bản địa, kỹ năng ứng xử với khách quốc tế... (2) Hỗ trợ quảng bá sản phẩm du lịch: xây dựng nhãn hiệu, tham gia hội chợ du lịch, đầu tư công nghệ số cho điểm du lịch cộng đồng. (3) Xây dựng liên kết: khuyến khích hợp tác giữa các hộ dân, HTX du lịch cộng đồng để tạo ra các tuyến du lịch liên kết giữa các địa phương miền Tây. Những giải pháp này đã được khuyến nghị trong Luật Du lịch 2017 và các văn bản điều hành. Các chính sách hỗ trợ thích hợp sẽ giúp cộng đồng dân cư ĐBSCL vừa cải thiện thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo, vừa bảo tồn và làm giàu các giá trị văn hóa bản địa đặc sắc của vùng sông nước Tây Nam Bộ.

Các thách thức khác bao gồm áp lực môi trường, tính dễ bị tổn thương khí hậu, lũ hồng cơ sở hạ tầng, và sự phân mảnh chính sách. Cần có các giải pháp về tài trợ cơ sở hạ tầng sinh thái, cây trồng thích ứng với khí hậu, nâng cấp giao thông và thống nhất chính sách. Cần tăng cường sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là các nhóm bị thiệt thòi, thông qua các chính sách hỗ trợ và đánh giá tác động văn hóa.

Hàm ý chính sách từ góc độ du khách: Gợi ý một số giải pháp chính sách nhằm củng cố thể mạnh và khắc phục hạn chế:

- Bảo tồn và phát huy văn hóa địa phương: Cần chính sách hỗ trợ bảo tồn các làn điệu dân ca, nghề truyền thống, lễ hội địa phương và gắn chúng với trải nghiệm du lịch. Điều này không chỉ đáp ứng mong muốn của du khách mà còn

đúng với định hướng phát triển du lịch của địa phương.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch cộng đồng: Đào tạo kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ, phong cách phục vụ thân thiện cho người dân bản địa sẽ phát huy lợi thế hiểu khách vốn có. Đồng thời, hướng dẫn viên bản địa cũng cần được đào tạo bài bản để giải thích về di sản văn hóa, tăng giá trị trải nghiệm cho du khách.

- Quảng bá hình ảnh du lịch cộng đồng: Đẩy mạnh xúc tiến hình ảnh các điểm du lịch cộng đồng, nhấn mạnh tính chân thật, trải nghiệm văn hóa độc đáo (mang đậm nét văn hóa ĐBSCL) để thu hút khách quốc tế.

- Liên kết thị trường khách: Khuyến khích phát triển thị trường du khách từ các quốc gia quan tâm đến du lịch văn hóa (như Nhật Bản) bằng cách xây dựng sản phẩm đặc thù và duy trì chất lượng.

4. Kết luận

Văn hóa bản địa và người dân là hai yếu tố nền tảng không thể tách rời trong chiến lược phát triển du lịch bền vững tại ĐBSCL. Cần có cơ chế chính sách khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa vùng miền. Việc phát triển du lịch cần được xây dựng trên mô hình “cùng phát triển, cùng hưởng lợi” giữa nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

Để đạt được sự phát triển bền vững, các tỉnh trong vùng cần tăng cường đào tạo kỹ năng du lịch cho người dân, bảo tồn và nâng cao giá trị văn hóa truyền thống, và khuyến khích, hỗ trợ các mô hình du lịch cộng đồng. Chính quyền địa phương cần xây dựng các chính sách hướng đến phát triển du lịch bảo tồn di sản văn hóa, kiểm soát chặt chẽ hoạt động thương mại hóa quá mức và đầu tư vào hạ tầng du lịch thân thiện với môi trường. Các doanh nghiệp du lịch nên chú trọng đầu tư vào các sản phẩm du lịch văn hóa chất lượng cao, tôn trọng và bảo tồn nét đặc trưng của văn hóa bản địa, đồng thời hợp tác chặt chẽ với cộng đồng địa phương để khai thác

bền vững nguồn tài nguyên văn hóa. Người dân địa phương cần được nâng cao nhận thức về vai trò của mình trong chuỗi giá trị du lịch, tích cực tham gia quản lý và phát triển du lịch, hướng đến sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa truyền thống.

Chỉ khi có sự gắn kết chặt chẽ giữa con người, văn hóa và du lịch, ĐBSCL mới thực

sự phát triển bền vững và khẳng định vị thế trên bản đồ du lịch khu vực và quốc tế. Các giải pháp và khuyến nghị trong nghiên cứu này cần được áp dụng để xây dựng một mô hình du lịch văn hóa cộng đồng độc đáo, góp phần nâng cao đời sống người dân, bảo tồn di sản văn hóa và phát triển kinh tế bền vững cho vùng ĐBSCL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- Đinh, V. L. (1984). “Giao lưu văn hóa giữa các dân tộc ở ĐBSCL” trong sách *Mấy đặc điểm văn hóa ĐBSCL*. Viện Văn hóa xuất bản.
- Huỳnh, C. T. (2012). *Ấn tượng văn hóa ĐBSCL*. Nxb Chính Trị Quốc Gia - Sự Thật.
- Huỳnh, L. (1987). *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*. Nxb TP. Hồ Chí Minh.
- Lê, X. D., (1984). “Vài nét về con đường phát triển KT-VH trong buổi đầu lịch sử của ĐBSCL” trong sách *Mấy đặc điểm văn hóa ĐBSCL*. Viện Văn hóa xuất bản
- Nguyễn, C. B., Lê, X. D., & Mạc, Đ. (1990). *Văn hóa và cư dân ĐBSCL*. Nxb KHXH, Hà Nội.
- Nguyễn, P. T. (1997). *Văn hóa dân gian Nam Bộ - những phác thảo*. Nxb Giáo dục.
- Nhâm, H. (2009). *Chợ nổi Đồng bằng sông Cửu Long*. Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- Sơn, N. (1985). *Đồng bằng sông Cửu Long nét sinh hoạt xưa*. Nxb TP. Hồ Chí Minh.
- Sơn, N. (1988). *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*. Nxb Trẻ TP. Hồ Chí Minh
- Sơn, N. (1992). *Văn minh miệt vườn*. Nxb Văn Hóa.
- Trần, N. T. (2018). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. Nxb Văn hóa - Văn nghệ TP. Hồ Chí Minh
- Trịnh, H. Đ. (2005), *Gia Định thành thông chí*. Nxb Đồng Nai.

Tiếng Anh

- Richards, G. (2007). *Cultural tourism: Global and local perspectives*. Haworth Press.
- Scheyvens, R. (1999). Ecotourism and the empowerment of local communities. *Tourism Management*, 20(2), 245-249. [https://doi.org/10.1016/S0261-5177\(98\)00069-7](https://doi.org/10.1016/S0261-5177(98)00069-7)
- Timothy, D. J., & Boyd, S. W. (2003). *Heritage tourism*. Pearson Education.